

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Hà Nội, tháng 08 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lê	Ủy viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Trần Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn, thể hiện: Doanh thu kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 khoảng 373 triệu đồng, kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2016 lỗ 5,206 tỷ đồng. Lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2016 khoảng 32,515 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm điều chỉnh giảm tiền lương của người lao động, không chi trả phụ cấp và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị. Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như khả năng thu hồi đầy đủ các khoản nợ phải thu cùng với sự hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu và các bên liên quan.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các Chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán không bao gồm số liệu của các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư đã tắt toán tại ngày 31/12/2014 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, Nhà đầu tư ủy thác và Công ty chưa ký Biên bản thanh lý hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.



Nguyễn Thương

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0308-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01 - CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.490.808.363	42.131.458.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.612.686.961	16.468.302.443
1. Tiền	111		18.112.686.961	10.468.302.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.971.389.128	15.421.389.128
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.486.389.128	15.486.389.128
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.515.000.000)	(65.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.704.915.787	10.116.970.439
1. Phải thu của khách hàng	131		49.243.557	90.243.557
2. Trả trước cho người bán	132		15.272.984	15.210.984
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	5.483.369.348	5.352.058.237
4. Các khoản phải thu khác	135	8	16.391.478.078	17.315.925.841
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(13.234.448.180)	(12.656.468.180)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		201.816.487	124.796.974
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.450.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	165.366.487	124.796.974
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.983.566	365.766.107
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	122.850.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		10.000.000	122.850.000
II. Tài sản cố định	220		179.650.066	224.562.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	179.650.066	224.562.583
- Nguyên giá	222		1.090.985.699	1.090.985.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(911.335.633)	(866.423.116)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.920.000)	(106.920.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.333.500	18.353.524
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.333.500	18.353.524
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.691.791.929	42.497.225.091

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01 - CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.185.181.857	780.996.920
I. Nợ ngắn hạn	310		7.185.181.857	780.996.920
1. Phải trả cho người bán	312		38.147.725	38.147.724
2. Phải trả người lao động	315		200.000.000	560.000.000
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	6.953.553.451	189.368.515
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(6.519.319)	(6.519.319)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.506.610.072	41.716.228.171
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.021.927.110	9.021.927.110
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(32.515.317.038)	(27.305.698.939)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.691.791.929	42.497.225.091

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		2.480.000	2.480.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		2.480.000	2.480.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		9.898.000.000	9.898.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		54.636.206	163.847.991
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	21	54.636.206	163.847.991
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	22	43.040.544.500	40.790.544.500
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		43.040.544.500	40.790.544.500
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		318.698.952	110.873.855
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		284.050.643	234.049.052

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập

Lai Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B02- CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu	01	14	373.622.223	297.411.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		373.622.223	297.411.112
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	15	170.007.703	648.312.290
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		203.614.520	(350.901.178)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	229.901.032	183.174.295
7. Chi phí tài chính	22	17	4.450.000.000	4.356.435.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	1.189.632.233	10.697.066.542
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.206.116.681)	(15.221.228.425)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		501.418	-
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		(501.418)	-
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		(5.206.618.099)	(15.221.228.425)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.206.618.099)	(15.221.228.425)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	(868)	(2.537)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

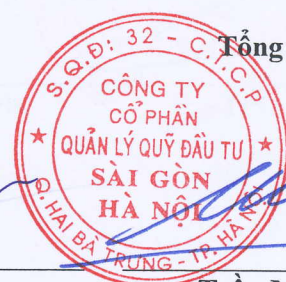
Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B03 - CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	277.311.112	5.300.894.452
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(201.560.579)	(5.952.462.834)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(481.130.000)	(2.238.078.492)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.157.601.916	30.431.652.837
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.887.738.963)	(30.762.983.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.864.483.486	(3.220.977.842)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	229.901.032	27.334.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	279.901.032	27.334.774
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.144.384.518	(3.193.643.068)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.468.302.443	4.367.130.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.612.686.961	1.173.487.453

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Người lập



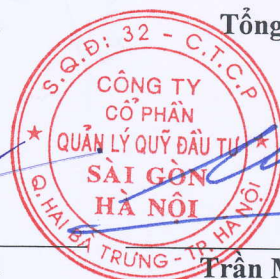
Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính



Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B05 - CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Kỳ này	Năm trước	Kỳ này	Năm trước	Kỳ này
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.951.343.840	9.021.927.110	-	-	8.951.343.840	9.021.927.110
3. Quỹ dự phòng tài chính	70.583.270	-	-	-	70.583.270	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(6.523.367.886)	(27.305.698.939)	-	-	(27.305.698.939)	(32.515.317.038)
Cộng	62.498.559.224	41.716.228.171	-	5.209.618.099	41.716.228.171	36.506.610.072

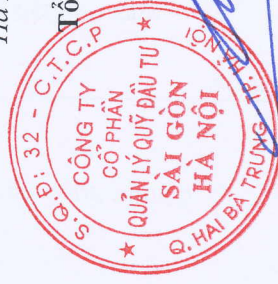
Người lập

Lai Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 13 người (31/12/2015 là 13 người) trong đó có 7 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011

(“Thông tư 125”) của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn, thể hiện: Doanh thu kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 khoảng 373 triệu đồng, kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2016 lỗ 5,206 tỷ đồng. Lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2016 khoảng 32,515 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm điều chỉnh giảm tiền lương của người lao động, không chi trả phụ cấp và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị. Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như khả năng thu hồi đầy đủ các khoản nợ phải thu cùng với sự hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu và các bên liên quan. Trong kỳ, Công ty đã tích cực làm việc với các đối tác nhằm đẩy mạnh thu hồi các khoản công nợ tồn đọng và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng trong thời gian tới, Công ty sẽ có nhiều cơ hội và thuận lợi trong việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty nên cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tồn quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi và hạch toán riêng biệt ở tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu lãi hoạt động đầu tư, phải thu phí quản lý danh mục đầu tư.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các

khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 của Bộ tài chính về “Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ”. Theo đó, giá thực tế trên thị trường của chứng khoán được xác định làm cơ sở để trích lập dự phòng, cụ thể như sau:

- Giá thực tế trên thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thực tế trên thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thưởng hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập

hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	52.321.400	44.665.800
Tiền gửi ngân hàng	18.060.365.561	10.423.636.643
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	23.612.686.961	16.468.302.443

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTQ

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

Trong đó:

Cổ phiếu niêm yết

SCR Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín

Cổ phiếu chưa niêm yết

PVO Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL

(Trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO)

PFI Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam

PVSH Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng

CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

PVO Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL

(Trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO)

CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8

Tổng cộng

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	990.048	15.486.389.128	990.048	15.486.389.128
Trong đó:				
Cổ phiếu niêm yết	248	1.421.788	248	1.421.788
SCR Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín	248	1.421.788	248	1.421.788
Cổ phiếu chưa niêm yết	989.800	15.484.967.340	989.800	15.484.967.340
PVO Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
(Trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO)				
PFI Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
PVSH Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8	13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.515.000.000)		(65.000.000)
PVO Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	400.000	(4.450.000.000)	-	-
(Trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO)				
CIC8 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 8	13.000	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
Tổng cộng		10.971.389.128		15.421.389.128

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL (PVO) đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM từ ngày 12/01/2016, theo đó Công ty đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với mã cổ phiếu này căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại (PFI, PVSH, CIC8), tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn đối với các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	5.221.413.792
Phải thu đối tượng khác	261.955.556	130.644.445
Tổng cộng	5.483.369.348	5.352.058.237

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (*)	13.314.900.000	13.364.900.000
Cổ tức được nhận	646.800	646.800
Công ty Cổ phần Nguyễn Quân (**)	2.928.200.000	3.728.200.000
Phải thu khác	42.862.078	130.930.841
Tạm ứng	104.869.200	91.248.200
Tổng cộng	16.391.478.078	17.315.925.841

(*) Phải thu Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh bao gồm:

- ✓ Phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội.

Khoản đầu tư trên đã được thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/TLHĐHTKDU/SHF-BWI ngày 8/4/2014 và biên bản làm việc hai bên ngày 16/04/2014. Tại 30/06/2016, BWI còn phải trả Công ty số tiền 8.300.000.000 đồng.

- ✓ Phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền khai thác 1.220 m² đất tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội.

Tại ngày 8/4/2014, Công ty và BWI đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/TLHĐHTĐT/SHF-BWI. Tổng giá trị thu hồi từ khoản đầu tư trên là 8.235.488.000 đồng. Tại 30/06/2016, BWI còn phải trả Công ty số tiền 5.014.900.000 đồng.

(**) Phải thu về số tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Nguyễn Quân theo Hợp đồng mua 372.820 cổ phần của Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTQ

9. NỢ XẤU

	30/06/2016				01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	1.171.668.580	4.049.745.212	VND	5.221.413.792	1.171.668.580	4.049.745.212	VND
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.591.752.667	795.876.333	795.876.334		1.591.752.667	795.876.333	795.876.334	
- Quá hạn 2 đến 3 năm	1.252.640.823	375.792.247	876.848.576		1.252.640.823	375.792.247	876.848.576	
- Quá hạn trên 3 năm	2.377.020.302	-	2.377.020.302		2.377.020.302	-	2.377.020.302	
Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh	13.314.900.000	5.654.470.000	7.660.430.000		13.364.900.000	6.682.450.000	6.682.450.000	
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	8.300.000.000	4.150.000.000	4.150.000.000		13.364.900.000	6.682.450.000	6.682.450.000	
- Quá hạn 2 đến 3 năm	5.014.900.000	1.504.470.000	3.510.430.000		-	-	-	
Công ty Cổ phần Nguyễn Quân	2.928.200.000	1.464.100.000	1.464.100.000		3.728.200.000	1.864.100.000	1.864.100.000	
- Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.928.200.000	1.464.100.000	1.464.100.000		3.728.200.000	1.864.100.000	1.864.100.000	
Đối tượng khác (Quá hạn trên 3 năm)	60.172.968	-	60.172.968		60.172.968	-	60.172.968	
Tổng cộng	21.524.686.760	8.290.238.580	13.234.448.180		22.374.686.760	9.718.218.580	12.656.468.180	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.245.885	89.245.885
Thuế thu nhập cá nhân	76.120.602	35.551.089
Tổng cộng	<u>165.366.487</u>	<u>124.796.974</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	898.250.300	192.735.399	1.090.985.699
Tại ngày 30/06/2016	<u>898.250.300</u>	<u>192.735.399</u>	<u>1.090.985.699</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	673.687.717	192.735.399	866.423.116
Khấu hao trong kỳ	44.912.517	-	44.912.517
Tại ngày 30/06/2016	<u>718.600.234</u>	<u>192.735.399</u>	<u>911.335.633</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>224.562.583</u>	-	<u>224.562.583</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>179.650.066</u>	-	<u>179.650.066</u>
Tài sản cố định hết khấu hao đang sử dụng			192.735.399

12. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	27.575.520	20.720.341
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Thiên Minh (*)	3.153.306.108	-
Công ty TNHH Logistic Anh Minh (*)	2.702.833.807	-
Đỗ Thị Nữ Hạnh (*)	900.944.602	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	168.893.414	168.648.174
Tổng cộng	<u>6.953.553.451</u>	<u>189.368.515</u>

(*) Phải trả các nhà đầu tư về tiền lãi (cổ tức) của danh mục ủy thác do được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CỔ PHẦN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

14. DOANH THU

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	373.622.223	297.411.112
Tổng cộng	373.622.223	297.411.112

15. CHI PHÍ KINH DOANH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	156.290.262	624.515.470
Chi phí khác	13.717.441	23.796.820
Tổng cộng	170.007.703	648.312.290

16. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	149.901.032	11.334.774
Lãi đầu tư chứng khoán	-	155.839.521
Cổ tức nhận được	80.000.000	16.000.000
Tổng cộng	229.901.032	183.174.295

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	290.753.470
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	4.450.000.000	4.065.681.530
Tổng cộng	4.450.000.000	4.356.435.000

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	157.098.774	1.724.288.089
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.912.517	44.912.514
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	577.980.000	8.171.352.403
Chi phí khác	406.640.942	753.513.536
Tổng cộng	1.189.632.233	10.697.066.542

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.206.618.099)	(15.221.228.425)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.206.618.099)	(15.221.228.425)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(868)	(2.537)

20. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	780.683.608
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	-	400.000.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu hoạt động nghiệp vụ		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.221.413.792	5.221.413.792
Phải thu khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	80.000.000

21. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Số dư đầu năm	163.847.991	4.044.287.498
Tăng trong kỳ	11.559.072.335	83.474.529.254
Giảm trong kỳ	11.668.284.120	82.568.073.746
Số dư cuối kỳ	54.636.206	4.950.743.006

22. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu chưa niêm yết		22.250.000.000		20.000.000.000
PVSH	2.500.000	20.000.000.000	2.500.000	20.000.000.000
SALS	225.000	2.250.000.000	-	-
Khác		20.790.544.500		20.790.544.500
Tổng cộng		43.040.544.500		40.790.544.500

23. THÔNG TIN KHÁC

Số dư các Chi tiêu ngoại bảng cân đối kế toán không bao gồm số liệu của các Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư đã tất toán tại ngày 31/12/2014 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Nhà đầu tư ủy thác và Công ty chưa ký Biên bản thanh lý hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.612.686.961	16.468.302.443
Đầu tư ngắn hạn	10.971.389.128	15.421.389.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.541.911.525	10.001.783.614
Cộng	43.125.987.614	41.891.475.185

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.964.125.656	69.861.231
Cộng	6.964.125.656	69.861.231

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2016.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2016 là 13.234.448.180 VND (tại ngày 31/12/2015 là 12.656.468.180 VND).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản phải trả ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.964.125.656	-	6.964.125.656
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	69.861.231	-	69.861.231

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.612.686.961	-	23.612.686.961
Đầu tư ngắn hạn	10.971.389.128	-	10.971.389.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.531.911.525	10.000.000	8.541.911.525
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.468.302.443	-	16.468.302.443
Đầu tư ngắn hạn	15.421.389.128	-	15.421.389.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.878.933.614	122.850.000	10.001.783.614

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016***Người lập****Lại Thị Tuyết****Giám đốc tài chính****Nguyễn Diệu Trinh****Tổng Giám đốc****Trần Minh Hoàng**